TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/DS-ST
Ngày: 01-12-2021.
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Công;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Huỳnh Phát Đạt- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 12 Tâm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-DS, ngày 25/01/2021, "V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐST-DS ngày 15/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 998/2021/QĐST-DS ngày 11/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh Tâm 1954;

Địa chỉ: Số nhà 113, ấp Long H, xã Long H1, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

Bị đơn: T, sinh Tâm 1981;

Địa chỉ: Số nhà 244/6, ấp Tân M, xã Tân P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N cho rằng giữa bà và bị đơn T có quen biết nên ông Tâm thường đến nhà bà N mượn tiền.

Cụ thể như sau: vào ngày 21/01/2018 âm lịch, bà N có cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, ngày 29/01/2018 âm lịch vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 11/3/2018 âm lịch vay số tiền 20.000.000 đồng. Việc vay tiền thì ông Tâm có viết biên nhận và ký tên, ghi họ tên vào biên nhận, việc vay tiền không thỏa thuận

thời gian trả, biên nhận không ghi lãi suất. Chỉ thỏa thuận lãi suất miệng là 1%/tháng.

Khi vay tiền xong thì Tâm không đóng lãi, trả tiền vốn vay cho bà N. Bà N có nhiều lần gặp trực tiếp gặp ông Tâm để yêu cầu trả nợ nhưng ông Tâm cứ hứa hẹn nhưng vẫn không thực hiện.

Nay bà N yêu cầu giải quyết buộc ông T trả số tiền vốn vay tổng cộng 90.000.000 đồng, lãi không yêu cầu.

Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, bị đơn ông T đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, bị đơn T, vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Nguyễn Thị N và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông T trả số tiền vốn vay 90.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình bà N đã xuất trình được 03 biên nhận 21/01/2018 âm lịch, ngày 29/01/2018 âm lịch; ngày 11/3/2018 âm lịch do ông Tâm viết và ký tên.

Thế nhưng, Tòa án đã thông báo cho ông Tâm biết về các tài liệu, chứng cứ mà bà N đã giao nộp cho Tòa án, trong đó có biên nhận vay tiền thông qua Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Tâm theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, ông T vẫn không có ý kiến thể hiện sự phản đối với biên nhận mà bà N đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Điều này, chứng tỏ rằng ông Tâm đã không phản đối đối với biên nhận mà bà N đã giao nộp cho Tòa án.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định việc ông T có vay của bà N số tiền 90.000.000 đồng là có thật nên ông Tâm phải có nghĩa vụ trả cho bà N tiền vốn vay là 90.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự Tâm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tâm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bị đơn T trả tiền vốn vay 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N tiền vốn vay 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự Tâm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông T phải chịu 4.500.000 đồng (bốn triệu, N trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày (01/12/2021).

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai V;
- Chi cục THADS huyện LV;
- Các đương sự
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Hiếu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

1/

2/

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 25 phCường, ngày 27/4/2018.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai.

Bà: Quang Kim Cúc.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 286/2017/TLST-DS, ngày 21/11/2017 "V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", giữa:

1. Nguyên đơn: Trần Thị ChCường, sinh Tâm 1953.

Địa chỉ: Số nhà 176/4 ấp Thới Hòa, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

2. Bị đơn: Dương Văn Tâm, sinh Tâm: 1973; Địa chỉ: Số nhà 384/4 ấp Thới Hòa, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lê Thị Tương, sinh Tâm 1944 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 187/4 ấp Thới Hòa, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Thị Tha, sinh Tâm 1953. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 180/4 ấp Thới Hòa, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Qua biểu quyết

I- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự Tâm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227 , khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Tâm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị ChCường về việc yêu cầu bị đơn Dương Văn Tâm trả vốn vay 3.100.000 đồng.

Buộc ông Dương Văn Tâm phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị ChCường vốn vay là 3.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự Tâm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị ChCường về số tiền vốn 3.000.000 đồng, tiền gạo 1.408.000 đồng, tiền mượn riêng 200.000 đồng và tiền lãi là 5.520.000 đồng.

II- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Ông Dương Văn Tâm phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị ChCường số tiền 330.700 đồng (Ba trăm ba chục ngàn bảy trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 00815, ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 27/4/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa

ngày 27/4/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phCường, ngày 27 tháng 4 Tâm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/

2/

Tô Thị Hoa Lư

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Thành Công - Nguyễn Chí Công	**Trương Phước Tự**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

1/

2/ **Trương Phước Tự**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Vung, ngày 14 tháng 06 Tâm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Phước Tự

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Nguyễn Chí Công.

2/ Ông: Lê Thành Công.

Căn cứ vào Điều 236 của bộ luật tố tụng dân sự;

Vào lúc 09 giờ ngày 07/04/2016 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ kiện Hôn nhân gia đình "*Xin ly hôn và nuôi con"* giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Trần Thị Xương - SN: 1968, trú tại: 153A, ấp An Bình, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Lê Nhựt Long - SN:1963; trú tại: 817, ấp Long Khánh A, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Qua biểu quyết

I- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 131; Điều 129; Điều 199 BLTTDS; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Trần Thị Xương và anh Lê Nhựt Long là vợ chồng.

II- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

- Về con chung, tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

III- Hội đồng xét xử 3/3 thống nhất 100% Quyết định:

* Án phívà tạm ứng án phí:

- Nguyên đơn Trần Thị Xương phải chịu án phí sơ thẩm dân sự trong vụ hôn nhân gia đình là 200.000đ, khấu trừ 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 036986 ngày 22/03/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị Xương đã thực hiện xong.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/06/2016, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

1/

2/ **Trương Phước Tự**